

Số: 843/QĐ - CHK

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Hướng dẫn lập Tài liệu khai thác sân bay trực thăng

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 66/2015/NĐ-CP ngày 12/08/2015 của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không;

Căn cứ Thông tư số 16/2010/TT-BGTVT ngày 30/6/2010 của Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Quyết định số 121/QĐ-BGTVT ngày 14/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hàng không Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Hướng dẫn lập Tài liệu khai thác sân bay trực thăng”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Cảng vụ hàng không miền Bắc, miền Trung, miền Nam; Trưởng phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục trưởng (đề b/c);
- Các Phó Cục trưởng;
- Thanh tra Cục HK;
- Lưu: VT, QLC (HT16). *nm*



Võ Huy Cường

Hướng dẫn lập Tài liệu khai thác sân bay trực thăng
(Helicopter Operation Manual - HOM)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 843/QĐ-CHK ngày 25/05/2016)

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG

- Hướng dẫn này được sử dụng trong việc lập Tài liệu khai thác sân bay trực thăng bao gồm các sân bay trực thăng được xây dựng trên mặt đất (Surface Helicopter) và trên các công trình cao tầng (Elevated Helicopter). Việc lập Tài liệu khai thác cho bãi đáp trực thăng được lắp đặt trên công trình biển và tàu biển (Helideck) thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 766/CHK-QLC ngày 10/02/2015 của Cục Hàng không Việt Nam;

- Nội dung cơ bản của Tài liệu khai thác sân bay trực thăng được lập theo Tài liệu hướng dẫn về sân bay trực thăng (Annex 14 Vol II 4th Edition 2013: Helicopter; Doc 9261-AN/903: Helicopter Manual) của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO), Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 03: 2009/CHK “Tiêu chuẩn sân bay trực thăng dân dụng Việt Nam” do Cục Hàng không Việt Nam ban hành ngày 25/03/2009;

- Tài liệu khai thác sân bay trực thăng bao gồm phần tài liệu chính đề cập đến các nội dung cần thiết theo Hướng dẫn này kèm theo các hồ sơ tài liệu liên quan khác được dẫn chiếu trong tài liệu chính;

- Tài liệu được trình bày theo kiểu chữ Times New Roman, cỡ chữ 14 trên khổ giấy A4, các bản vẽ gấp theo khổ A4, đóng thành cặp tài liệu theo từng phần riêng biệt để thuận tiện cho công tác kiểm tra, theo dõi, cập nhật và phải được người khai thác sân bay trực thăng ký và đóng dấu.

PHẦN II. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG TÀI LIỆU KHAI THÁC BAO GỒM CÁC PHẦN SAU:

TRANG MỤC LỤC

Nêu các đề mục cơ bản của nội dung Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay.

TRANG DANH SÁCH PHÂN PHỐI TÀI LIỆU

TT	Đơn vị, cá nhân sử dụng tài liệu	Số lượng (quyển)	Mã số

Handwritten mark

TRANG GHI NHẬN CÁC TU CHÍNH

Ngày cập nhật	Tên các hạng mục và trang thay đổi	Ngày thay đổi	Ghi chú

TRANG DANH MỤC CÁC NỘI DUNG KIỂM TRA ĐÃ THỰC HIỆN

Ngày kiểm tra	Nội dung kiểm tra	Kết quả kiểm tra	Tên người (tổ chức) kiểm tra	Đại diện Người khai thác CHK,SB

TRANG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT

PHẦN III. NỘI DUNG CỦA TÀI LIỆU KHAI THÁC

I. Các thông tin chung về sân bay trực thăng

1.1 Chủ sở hữu và người khai thác sân bay trực thăng

Phần này yêu cầu cung cấp các thông tin: Tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax của Chủ sở hữu và Người khai thác sân bay trực thăng.

1.2 Điều kiện khai thác

Thời gian và điều kiện sân bay hoạt động (ví dụ: 24/24 giờ, 7 ngày trong tuần, VFR/IFR...). Trong trường hợp có thiết bị hỗ trợ hạ cánh tại sân bay thì cần công bố tầm nhìn thấp nhất sân bay có thể tiếp nhận tàu bay.

1.3 Loại tàu bay trực thăng lớn nhất có thể tiếp nhận.

Mô tả thông số kỹ thuật của loại trực thăng lớn nhất mà sân bay có thể tiếp nhận.

1.4 Hoạt động của sân bay

Mô tả ngắn gọn về một số thông tin về sân bay: Kích thước, vị trí, loại sân bay (sân bay trên mặt đất, trên nhà cao tầng), mục đích sử dụng chính, tần xuất bay...

1.5 Giới hạn khai thác

Yêu cầu ghi rõ các điều kiện giới hạn hoạt động của sân bay: Thời gian hoạt động (ngày, đêm), yêu cầu về giới hạn tiếng ồn khi trực thăng hoạt động, các hạn chế về hoạt động bay của tàu bay trực thăng...

1.6 Sơ đồ tổ chức

Lập sơ đồ tổ chức và Mô tả chi tiết nghĩa vụ và trách nhiệm của từng vị trí làm việc tại sân bay trực thăng.

1.8 Tài liệu kỹ thuật và các bản vẽ

Các tài liệu kỹ thuật (tiêu chuẩn kỹ thuật) và các bản vẽ chi tiết (vị trí) phải được liệt kê để chỉ rõ vị trí của sân bay trực thăng.

1.9 Trách nhiệm của người khai thác sân bay trực thăng:

Người khai thác sân bay phải ghi cụ thể các nhiệm vụ, quyền hạn của mình có liên quan đến an ninh, an toàn và các hoạt động khai thác bao gồm các nội dung chính sau:

1. Đảm bảo tính chính xác của các thông tin được đề cập trong Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn theo quy định.
2. Triển khai thực hiện hoạt động khai thác và cung cấp dịch vụ tại sân bay theo đúng các quy trình được nêu trong Tài liệu khai thác được phê duyệt.
3. Tuyển dụng và đảm bảo đầy đủ số lượng cán bộ, nhân viên hàng không có đủ năng lực để thực hiện hoạt động khai thác tại sân bay (bao gồm việc sử dụng các nhân viên hàng không có đầy đủ chứng chỉ chuyên môn và giấy phép theo quy định của pháp luật).
4. Triển khai các hoạt động kiểm tra, giám sát nội bộ để đảm bảo an toàn và hiệu quả các hoạt động của sân bay.
5. Cung cấp các hồ sơ tài liệu và phối hợp với lực lượng giám sát viên an toàn của Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động của các hệ thống trang thiết bị, cung cấp dịch vụ vì mục tiêu đảm bảo an ninh, an toàn hàng không.
6. Các nội dung khác.

II. Thông số cơ bản của sân bay trực thăng

2.1 Thông tin về sân bay

- Địa điểm sân bay;
- Tọa độ điểm quy chiếu sân bay(WGS 84);
- Cao độ sân bay (m);

2.2 Khu vực cất hạ cánh

day

2.2.1 Các đặc tính vật lý

a. Khu vực tiếp cận chót và cất cánh (FATO):

- Chiều dài;
- Chiều rộng;
- Độ dốc;
- Loại bề mặt;

b. Dải quang (Clearway):

- Chiều dài
- Chiều rộng
- Loại bề mặt.

c. Khu vực chạm bánh và rời bề mặt (TLOF):

- Chiều dài;
- Chiều rộng;
- Độ dốc;
- Loại bề mặt;

d. Dải bảo hiểm (Safety Area):

- Chiều dài
- Chiều rộng
- Loại bề mặt;

đ. Đường lăn mặt đất (Ground taxiways):

- Kích thước;
- Sức chịu tải (PCN);
- Loại bề mặt.

e. Đường di chuyển trên không (Air Taxiways)

g. Đoạn đường di chuyển trên không (Air Transir routes)

h. Môi trường quan của khu vực tiếp cận chót và cất cánh với đường cất hạ cánh hoặc đường lăn

i. Các cự ly công bố:

- Cự ly cất cánh công bố (TODAH);
- Cự ly cất cánh hớt công (RTODAH);
- Cự ly hạ cánh công bố (LDAH).

k. Sân đỗ.

- Kích thước;
- Sức chịu tải (PCN);
- Loại bề mặt;
- Số lượng vị trí đỗ;

